

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2020

## KẾ HOẠCH Công tác trẻ em tỉnh Thái Nguyên năm 2020

Thực hiện Công văn số 666/LĐTBXH-TE ngày 27/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em năm 2020; xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 202/TTr-SLĐTBXH ngày 07/4/2020, Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) ban hành kế hoạch công tác trẻ em năm 2020, với các nội dung sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em và thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản để trẻ em được phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần; hỗ trợ kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn; giảm thiểu trẻ em bị ngược đãi, bạo hành, xâm hại và trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em.

- Rà soát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch công tác trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch công tác trẻ em giai đoạn 2021- 2025 theo chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và các địa phương.

#### 2. Yêu cầu

- Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong chỉ đạo; sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp trong triển khai thực hiện công tác trẻ em.

- Các ngành, đơn vị, địa phương bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, trên cơ sở hướng dẫn của các ngành chức năng có liên quan, triển khai các nội dung, hoạt động phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả, an toàn, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm tâm lý của trẻ em, đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống dịch COVID-19.

### II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác trẻ em đã đề ra đến năm 2020; tiến hành đánh giá, tổng kết các chương trình, kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, làm căn cứ xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác trẻ em

giai đoạn 2020 - 2025. Nghiên cứu, lồng ghép, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về thực hiện quyền trẻ em vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp từ tỉnh đến cơ sở; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021 - 2025 và trong các chương trình, kế hoạch công tác của các sở, ban, ngành có liên quan.

2. Bố trí, quản lý và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn vận động cho công tác trẻ em. Chú trọng bố trí ngân sách địa phương để giải quyết các vấn đề nóng về trẻ em; xây dựng, củng cố hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em; bảo đảm duy trì các mô hình về trẻ em đã được triển khai tại địa phương. Tăng cường vận động nguồn lực để hỗ trợ cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng, tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí, hỗ trợ các phương tiện phục vụ sinh hoạt, học tập, đồ dùng thiết yếu cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Bảo đảm cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về trẻ em và nhân lực thực hiện công tác trẻ em tại địa phương. Đến hết năm 2020, tất cả các xã, phường, thị trấn (viết tắt là cấp xã) được bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số cán bộ, công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách; có nhóm thường trực bảo vệ trẻ em và có chính sách của địa phương hỗ trợ đội ngũ bảo vệ trẻ em để hoạt động hiệu quả. Chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em cho đội ngũ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, đặc biệt là cấp xã và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em.

4. Phối hợp chỉ đạo việc thực hiện trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em. Tiếp tục thực hiện và nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đến từng địa bàn dân cư; gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em, thực hiện quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

5. Nhân rộng kinh nghiệm, khuyến khích, biểu dương những điển hình, những sáng kiến tốt trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và đóng góp nguồn lực cho trẻ em. Căn cứ tình hình thực tế, tổ chức các hoạt động gặp mặt, biểu dương “Những người yêu trẻ” các cấp, Tháng hành động vì trẻ em năm 2020 với chủ đề “Chung tay bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em”, Diễn đàn trẻ em và lấy ý kiến trẻ em trong quá trình xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em của địa phương với hình thức phù hợp, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng, chống dịch bệnh.

6. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các biện pháp bảo đảm môi trường sống an toàn, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em và tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em, cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, các phương tiện giao thông đưa đón học sinh, các khu dân cư, các tòa nhà chung cư cao tầng, các khu vực thường xảy ra tai nạn đuối nước, tai nạn giao thông thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, đặc biệt các quy định của Luật Trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em và các chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em, xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật hình sự, xử lý vi phạm hành chính, phòng, chống bạo lực gia đình... Truyền thông tư vấn kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em, đặc biệt kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em thông qua các kênh truyền thông báo chí, mạng xã hội và tại cộng đồng dân cư. Tư vấn, hướng dẫn vai trò, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em, nhất là trong dịp hè. Truyền thông, quảng bá rộng rãi Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và đường dây tư vấn bảo vệ trẻ em của tỉnh Thái Nguyên (số 18008080).

8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật, chính sách, chương trình, đề án về trẻ em, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện trách nhiệm phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em. Đôn đốc, kiểm tra việc phối hợp giữa các ban, ngành, nhà trường và UBND cấp xã trong thực hiện việc bàn giao, quản lý trẻ em, bảo đảm mùa hè an toàn cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt tai nạn đuối nước.

9. Nắm bắt tình hình, thông tin kịp thời, tích cực chỉ đạo, phối hợp giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục, tai nạn thương tích trẻ em phức tạp được dư luận quan tâm, do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin hoặc yêu cầu giải quyết. Phối hợp, xử lý thông tin kịp thời giữa địa phương với các cơ quan bảo vệ trẻ em ở tỉnh và Trung ương, Tổng đài 111, Đường dây tư vấn 18008080 trong việc xác minh, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, người đứng đầu đơn vị khi để xảy ra bạo lực, xâm hại trẻ em, vi phạm quyền trẻ em. Xử lý nghiêm người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục trong việc chậm trễ, thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, bao che hành vi, vụ việc vi phạm quyền trẻ em.

10. Cập nhật thông tin về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị bạo lực, xâm hại, trẻ em bị tai nạn thương tích vào hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em ở tỉnh và các địa phương. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2020 thực hiện Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

2. Ngân sách địa phương bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vận động hợp pháp khác.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh)**

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn triển khai các văn bản quản lý nhà nước, nội dung trọng tâm của công tác trẻ em năm 2020; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch và tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu công tác tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng các chương trình, kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thu thập, tổng hợp thông tin kết quả chỉ số thực hiện quyền trẻ em tại địa phương để bảo đảm đánh giá, xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em năm 2018 và 2019 chính xác, khách quan theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi đảm bảo thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu liên quan đến bảo vệ, chăm sóc trẻ em; hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn; quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; triển khai theo thẩm quyền việc hỗ trợ, can thiệp kịp thời cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại.

- Hướng dẫn việc vận động ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp thông qua các hoạt động hưởng ứng “Ngày Lao động vì hạnh phúc trẻ thơ” và Tháng hành động vì trẻ em năm 2020. Quản lý, theo dõi tình hình sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh theo quy định hiện hành.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp; tập huấn cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em; tập huấn kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em.

- Phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức Diễn đàn trẻ em theo quy định tại Thông tư số 29/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

##### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, nhà trường thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em; rà soát các tiêu chuẩn trường học bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tăng cường giáo dục kiến thức về giới và kỹ năng phòng tránh bạo lực, xâm hại trẻ em cho giáo viên và học sinh; chủ động phát hiện các trường hợp học sinh có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại; thông báo, cung cấp thông tin và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý, điều tra, bảo vệ trẻ em; tăng cường tổ chức các lớp dạy bơi miễn phí nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng, chống tai nạn đuối nước cho học sinh; tích hợp việc giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tích cực cho học sinh vào chương trình giáo dục trong nhà trường và các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện chính sách, pháp luật và áp dụng các biện pháp trợ giúp giáo dục phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật; vận động gia đình, xã hội hỗ trợ, bồi dưỡng trẻ em có năng khiếu, tài năng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP trong nhà trường và các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về quyền, bổn phận, trách nhiệm của trẻ em lòng ghép với các nội dung giáo dục của các cấp học, bậc học, phù hợp với nhận thức theo từng lứa tuổi trẻ em.

### **3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên**

- Thực hiện tốt chức năng là Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em; chủ trì, hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em, tạo điều kiện để trẻ em được tham gia, bày tỏ nguyện vọng của mình về những vấn đề liên quan đến trẻ em; tổ chức lấy ý kiến trẻ em vào các dự thảo văn bản pháp luật liên quan đến trẻ em.

- Chỉ đạo triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và đường dây tư vấn bảo vệ trẻ em tỉnh Thái Nguyên (số 18008080) trong các nhà trường, nhà thi đấu, các đơn vị thuộc hệ thống Đoàn, Đội.

- Phối hợp tổ chức chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác trẻ em; chương trình giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho trẻ em; chương trình tập huấn kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em.

### **4. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tuyên truyền và thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; triển khai các chương trình, kế hoạch liên quan đến trẻ em do ngành quản lý.

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả chính sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo; ưu tiên tiếp nhận, điều trị, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích; tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ y tế trong việc chăm sóc, tư vấn sức khỏe đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại và phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em.

### **5. Công an tỉnh**

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đấu tranh, phòng chống tội phạm trong lứa tuổi trẻ em, tội phạm xâm hại, mua bán trẻ em; các chương trình, kế hoạch liên quan đến trẻ em do ngành quản lý; chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước về cư trú để tạo điều kiện, đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em tại nơi cư trú.

- Hướng dẫn quy trình, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đối với hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em theo quy định; các biện pháp điều tra thân thiện đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị xâm hại tình dục; nâng cao năng lực, kỹ năng cho lực lượng công an các cấp về điều tra, xử lý tội phạm xâm hại trẻ em; rà soát, xử lý dứt điểm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em còn tồn đọng (nếu có); phối hợp xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi bao che, cố tình kéo dài hoặc không xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật.

## **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; hướng dẫn, cung cấp kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình, trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao phù hợp, an toàn cho trẻ em gắn với phòng, chống dịch bệnh; giáo dục trẻ em giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống của gia đình; quản lý việc quy hoạch mạng lưới, xây dựng các công trình, cơ sở văn hóa phục vụ hoạt động của trẻ em tại cộng đồng.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra và quản lý các sản phẩm văn hóa nhằm phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em.

## **7. Sở Tư pháp**

- Chủ trì, hướng dẫn việc đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề quốc tịch của trẻ em, xác định cha, mẹ cho trẻ em; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị bạo lực, xâm hại; quản lý nhà nước về công tác nuôi con nuôi.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tập huấn nâng cao năng lực, hoàn thiện chế độ về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; triển khai các giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, phương tiện điện tử và các phương tiện thông tin khác.

- Quản lý, hướng dẫn việc hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông theo quy định của pháp luật, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu năng lực của trẻ em.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng xây dựng chương trình, kế hoạch và dành thời lượng, chuyên trang, chuyên mục hợp lý để tuyên truyền về thực hiện quyền trẻ em, các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; ưu tiên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; phát hiện, lên án các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em.

## **9. Sở Tài chính**

- Bố trí kinh phí thực hiện công tác trẻ em năm 2020 trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

- Hướng dẫn thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

## **10. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên**

Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến trẻ em, công tác phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em; thông tin, truyền thông cho gia đình, xã hội về kiến thức, kỹ năng bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; tăng cường thời lượng đưa tin, bài thông tin kiến thức về gương “*Người tốt - Việc tốt*” trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; kịp thời phản ánh, lên án các hành vi vi phạm pháp luật xâm hại, bạo lực với trẻ em.

## **11. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan khác**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện các nội dung liên quan công tác đến trẻ em; thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu liên quan về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh theo quy định.

## **12. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo, hướng dẫn, áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để tiến hành xét xử hành vi vi phạm quyền trẻ em, trẻ em vi phạm pháp luật, ra quyết định tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em.

- Phối hợp chỉ đạo tiếp nhận, giải quyết xử lý nghiêm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em; rà soát hồ sơ, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em để xử lý dứt điểm, không để tồn đọng, kéo dài; bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của các hành vi xâm hại trước, trong và sau quá trình tố tụng.

## **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đoàn thể**

- Giám sát, phản biện, tham vấn, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, triển khai thực hiện chính sách pháp luật, phân bổ nguồn lực đáp ứng quyền của trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em nhằm nâng cao nhận thức về thực hiện quyền trẻ em trong tổ chức; kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện và nhân rộng phong trào “*Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em*” gắn với cuộc vận động “*Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” để xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh với trẻ em, bảo đảm tất cả trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

## **14. UBND các huyện, thành phố, thị xã**

- Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung công tác trẻ em năm 2020 đảm bảo phù hợp, hiệu quả, tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống dịch bệnh; bố trí, vận động nguồn lực để thực hiện công tác trẻ em, lòng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em vào Nghị quyết đại hội đảng các cấp, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã; bố trí người làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện công tác trẻ em theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

## V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch, văn bản triển khai công tác trẻ em năm 2020 và báo cáo kết quả thực hiện theo mẫu và phụ lục kèm theo kế hoạch này về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp), cụ thể:

- Kế hoạch, văn bản triển khai công tác trẻ em năm 2020: gửi trước ngày 30/4/2020.

- Báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng: gửi ngày 15/5/2020.

- Báo cáo kết quả thực hiện năm 2020: gửi ngày 16/11/2020.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh 6 tháng (trước ngày 20/5/2020) và năm (trước ngày 20/11/2020) đảm bảo các nội dung và biểu mẫu theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./SKH

### Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Trẻ em, Bộ Lao động-TB&XH;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh TN;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KGVX.

Vanh4/2020-KH4(50b)

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH  
Trịnh Việt Hùng

**MẪU BÁO CÁO (06 tháng và 01 năm)**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KHBCĐ ngày tháng 4 năm 2020  
của Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh Thái Nguyên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/TP/TX...  
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2020**  
**và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020/năm 2021**  
*(Dành cho các huyện, thành phố, thị xã)*

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương
2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết

**II. Kết quả thực hiện**

1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản chỉ đạo công tác trẻ em
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ: phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp)
3. Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em
4. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em
5. Công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em
6. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
7. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
8. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
9. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
10. Tổng kinh phí dành cho công tác trẻ em năm 2020
11. Số liệu về công tác trẻ em (*theo Phụ lục số 01, 02, 03, 04*)

**III. Đánh giá kết quả đạt được**

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2019
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...).

**IV. Kế hoạch 6 tháng hoặc năm 2021**

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

*Noi nhận:*

-

-

**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 2020  
 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020/năm 2021**  
*(Dành cho các sở, ban, ngành của tỉnh)*

**I. Tình hình chung****II. Kết quả thực hiện**

1. Việc triển khai các văn bản của tỉnh về công tác trẻ em tại đơn vị.
2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em
3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công tác trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
4. Tham gia ủng hộ “Ngày lao động vì hạnh phúc trẻ thơ” và các hoạt động thúc đẩy quyền trẻ em.

**III. Đánh giá chung**

1. Những kết quả nổi bật
2. Những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

**IV. Kiến nghị, đề xuất****V. Phương hướng, nhiệm vụ năm 6 tháng năm 2020/năm 2021**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 01**

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM NĂM 2020**  
*(Số liệu tính đến ngày 15/5 và ngày 15/11 hàng năm)*

*Huyện/TP/TX: .....*

Số thứ tự	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng 2020 /năm 2020
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
a.	Tổng dân số của địa phương đến kỳ báo cáo	Người	
b.	Số trẻ em sinh từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Trẻ	
	Trong đó, số được cấp giấy khai sinh	Trẻ	
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó, số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn phí, giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	

Số thứ tự	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng 2020 /năm 2020
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>IV</b>	<b>Điễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>V</b>	<b>Tuyên truyền, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được tuyên truyền trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm tuyên truyền về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Ch.trình	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Ch.trình, Ch.mục	
3	Số lượng các hoạt động tuyên truyền khác	Hoạt động /sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiêm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	
<b>VII</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp và số cán bộ huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	

Số	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng 2020 /năm 2020
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
VIII	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (qua các Ch. trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- TP, huyện, TX (nguồn triển khai tại huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (cấp huyện, xã - bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 02**  
**THỐNG KÊ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM NĂM 2020**  
*(Số liệu tính đến ngày 15/5 và ngày 15/11 hàng năm)*

*Huyện/TP/TX: .....*

Stt	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng 2020 /năm 2020
<b>I</b>	<b>Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Huyện/TP/TX đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện/TP/TX	Có/không	
2	Huyện/TP/TX đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện/TP/TX	Có/không	
3	Số xã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
4	Số xã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
5	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Cơ sở ngoài công lập tại địa phương (thuộc thẩm quyền của huyện/thành phố/thị xã quản lý)		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ		
	- Số lớp tập huấn, bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn, bồi dưỡng	Người	
3	Huyện/TP/TX có Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Có/không	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Lãnh đạo duyệt**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Người lập biểu**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 03

**THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT NĂM 2020**

(Số liệu tính đến ngày 15/5 và ngày 15/11 hàng năm)

Huyện/TP/TX: .....

TT	Nội dung	TS trẻ em	Tổng số TE được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác	Tỷ lệ TE được trợ giúp
				Trợ giúp XH	Trợ giúp y tế	Trợ giúp GD đào tạo và GD nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
				Người	Người	Người	Người		
a	b	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	8 = $(2+7)/1$
I	Dân số trẻ em								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp XH								
	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								

TT	Nội dung	TS trẻ em	Tổng số TE được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác	Tỷ lệ TE được trợ giúp
				Trợ giúp XH	Trợ giúp y tế	Trợ giúp GD đào tạo và GD nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp XH								
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở GD bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								
	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
	13. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
	14. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
	15. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật								
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.								
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.								

TT	Nội dung	TS trẻ em	Tổng số TE được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác	Tỷ lệ TE được trợ giúp
				Trợ giúp XH	Trợ giúp y tế	Trợ giúp GD đào tạo và GD nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
	4. Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động								
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	-Trẻ em khuyết tật khác.								
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
	2. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								
8	Trẻ em phải bỏ học kiêm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								

TT	Nội dung	TS trẻ em	Tổng số TE được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác	Tỷ lệ TE được trợ giúp
				Trợ giúp XH	Trợ giúp y tế	Trợ giúp GD đào tạo và GD nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
1.	Trẻ em phải bỏ học kiém sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
2.	Trẻ em phải bỏ học kiém sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
	2. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trực lợi khác.								
	5. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								
	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.								
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của CQ có thẩm quyền.								
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								

TT	Nội dung	TS trẻ em	Tổng số TE được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác	Tỷ lệ TE được trợ giúp
				Trợ giúp XH	Trợ giúp y tế	Trợ giúp GD đào tạo và GD nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn		
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								
	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
<b>III Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và có hoàn cảnh khác</b>									
<b>Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:</b>				xx	xx	xx	xx	xx	xx
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo. Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
8	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Lãnh đạo duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 04a  
**THỐNG KÊ TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2020**  
*(Số liệu tính đến ngày 15/5 và ngày 15/11 hàng năm)*

*Huyện/TP/TX: .....*

Stt	Loại TNTT	Trẻ em bị TNTT			Giới tính			Nhóm tuổi								Địa điểm xảy ra TNTT				
		Nam		Nữ		0-5 tuổi		6-9 tuổi		10-13 tuổi		14-16 tuổi		Tại nhà		Trg. học		Cg.đồng		
		Số không bị tàn tật	Số bị tàn tật	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong	Số bị TN TT	Số tử vong
		a	b	c																
1	Ngã																			
2	Bóng/cháy																			
3	Tai nạn giao thông																			
4	Ngộ độc các loại																			
5	Cắt, đâm																			
6	Ngạt thở, hóc nghẹn																			
7	Súc vật cắn																			
8	Đuối nước																			
9	Bạo lực																			
10	Bom, mìn/vật nổ																			
11	Điện giật																			
12	TNTT khác (ghi cụ thể)																			
	Cộng																			
<b>Tổng số TE bị TNTT</b> (a+b+c)					* Lưu ý: Trẻ bị tàn tật, tử vong ở loại TNTT nào, đề nghị ghi thông tin cụ thể (họ tên, năm sinh, địa chỉ, mức độ tàn tật, thời điểm tử vong...) ở phía dưới biểu mẫu này./.															

..... ngày..... tháng..... năm...

**Lãnh đạo duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 04b**

**SƠ LIỆU CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG TNTT TRẺ EM NĂM 2020**

(Số liệu tính đến ngày 15/5 và ngày 15/11 hàng năm)

Huyện/TP/TX: .....

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	
			Số lượng	Tổng số
1	Số xã, phường, thị trấn gửi báo cáo về TNTT trẻ em/Tổng số xã, phường, thị trấn của đơn vị	đơn vị		
2	Số hộ đạt "Ngôi nhà an toàn PCTNTTTE"/Tổng số hộ	hộ		
3	Số trường học đạt "Trường học an toàn phòng, chống TNTT trẻ em"/Tổng số trường	trường		
4	Số cộng đồng đạt "Cộng đồng an toàn phòng, chống TNTT trẻ em "/Tổng số cộng đồng	c.đồng		
5	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học, THCS biết kỹ năng an toàn giao thông/Tổng số học sinh tiểu học và THCS	trẻ em		
6	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học, THCS biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước/Tổng số học sinh tiểu học và THCS	trẻ em		
7	Số trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở biết bơi/ Tổng số học sinh tiểu học và THCS	trẻ em		
8	Số trẻ em sử dụng áo phao khi tham gia giao thông đường thủy/ Tổng số trẻ em sống ở địa bàn có giao thông đường thủy	trẻ em		
9	Số xã, phường, thị trấn triển khai thí điểm chương trình bơi an toàn cho trẻ em/Tổng số xã, phường, thị trấn	đơn vị		
10	Số cán bộ cấp huyện, cấp xã được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em/Tổng số cán bộ phụ trách công tác trẻ em	người		
11	Số cán bộ cấp xã, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em/Tổng số cán bộ	người		
12	Số nhân viên y tế thôn, bản, nhân viên y tế trường học biết các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho trẻ em bị tai nạn, thương tích/Tổng số nhân viên	người		
13	Số bể bơi có dạy bơi cho trẻ em/Tổng số bể bơi	bể bơi		

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)